

HƯỚNG PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG XU HƯỚNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PGS.TS. Nguyễn Văn Trình
Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
Ths. Trần Đức Trương
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các tập đoàn kinh tế nhà nước của Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp lại các tổng công ty nhà nước nhằm mục đích xây dựng các doanh nghiệp nhà nước mạnh, góp phần cho thành phần kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ khi thành lập đến nay, các tập đoàn này đã đạt được những kết quả khá quan trọng hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, cũng bộc lộ những hạn chế cần phải điều chỉnh khắc phục trong thời gian tới.

Tập đoàn kinh tế nhà nước – đầu tàu của các thành phần kinh tế

Trước thời kỳ đổi mới, các doanh nghiệp nhà nước đã có những mô hình hoạt động như xí nghiệp liên hợp và liên hiệp các xí nghiệp, đây là các tổ chức kinh tế nhà nước có quy mô lớn, liên kết cùng ngành. Bước vào thời kỳ đổi mới, những mô hình trên không còn phù hợp, vì vậy, Nhà nước thí điểm thành lập các tổng công ty theo hướng tập đoàn kinh tế (Tổng công ty 91)

trên cơ sở chuyển đổi một số liên hiệp các xí nghiệp quy mô lớn, có tầm quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân, nhằm mục tiêu hình thành các công ty nhà nước mạnh, có khả năng tích tụ, tập trung cao về vốn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta hội nhập với khu vực và thế giới. Thực tế việc thành lập các Tổng công ty 91 chủ yếu theo hình thức tập hợp những doanh nghiệp nhà nước cùng ngành dựa trên các quyết định hành chính, nhằm giảm đầu mối quản lý mà chưa thực sự trở thành một thực thể thống nhất, phát huy sức mạnh của toàn tổng công ty và chưa đạt được mục tiêu khắc phục tình trạng hoạt động rời rạc của các doanh nghiệp thành viên, tạo sự liên kết kinh tế.

Với chủ trương tiếp tục đổi mới hoạt động doanh nghiệp nhà nước, Đảng và Nhà nước đã khẳng định sự cần thiết phải từng bước hình thành tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các Tổng công ty 91. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã khẳng định: "*Kiên toàn tổ chức,*

nâng cao hiệu quả của tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con, kinh doanh đa ngành tổng hợp trên cơ sở ngành chuyên môn hóa, gọi vốn thuộc nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia kinh doanh, làm nòng cốt để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh ở một số ngành và lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân như viễn thông, hàng không, dầu khí".

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn quốc có 8 tập đoàn kinh tế nhà nước đã được thành lập từ các tổng công ty thuộc các ngành kinh tế chủ lực quốc gia, đó là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (VINASHIN), Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX), Tập đoàn Bưu chính – Viễn thông (VNPT), Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam (VIG) và Chính phủ đã đồng ý về nguyên tắc việc thành lập Tập đoàn Hàng không Việt Nam từ Tổng công ty Hàng không Việt Nam hiện nay. Trong quá trình kinh doanh, nhiều tập đoàn đã thể hiện được vai trò chủ lực trong các thành phần kinh tế của đất nước, đạt được những thành tựu nhất định.

Về tình hình vốn sản xuất kinh doanh của các tập đoàn. Chỉ mới thành lập được vài năm nhưng vốn sản xuất kinh doanh của các tập đoàn kinh tế nhà nước đã tăng trưởng

nhanh, thể hiện thế mạnh tập trung và tích tụ vốn lớn, chủ yếu là vốn nhà nước. Đây là một lợi thế, những doanh nghiệp riêng lẻ, có quy mô vừa và nhỏ khó thực hiện. Năm 2006, tổng vốn sản xuất kinh doanh của các tập đoàn là 205.971 tỷ đồng; năm 2007, tổng vốn đã nâng lên 279.674 tỷ đồng, tăng 35,7% so với năm 2006; và năm 2008 đạt 325.988 tỷ đồng, tăng 16,5% so với năm 2007. Trong đó, TKV có mức tăng nhanh nhất đạt 45,53%, kế đến là VRG tăng 19,43%. VNPT cũng có mức tăng trưởng cao, đạt 16,79%, EVN tăng 15,47%, PVN tăng 14,55%, VINATEX tăng 11,51% và mức tăng trưởng đạt thấp nhất là VINASHIN chỉ tăng 8,6%.

Doanh thu của các tập đoàn có bước tăng khá, điều này chứng tỏ việc chuyển đổi mô hình quản lý từ hình thức tổng công ty sang hình thức tập đoàn có hiệu quả. Nếu vào năm 2006, tổng doanh thu của các tập đoàn là 333.430 tỷ đồng, năm 2007 đã đạt được 415.578 tỷ đồng, tăng 24,63% và năm 2008 đã tăng lên 526.917 tỷ đồng, tăng 26,79% so với năm 2007. Trong đó, VINASHIN tăng đến 68,83%, PVN tăng 31,23%, TKV tăng 30,59%, VNPT tăng 19,04%, VRG tăng 11,29%, VINATEX tăng 11% và EVN tăng 9,23%.

Các tập đoàn kinh tế nhà nước đã đóng góp cho ngân sách tương xứng với quy mô. Năm 2007 tổng nộp ngân sách của các tập đoàn là 84.445.680 tỷ đồng, đến năm 2008

đã nộp 140.872 tỷ đồng, tăng 66,8%. Trong đó, TKV có tỷ lệ tăng cao nhất, đạt 83,6%, kế đến là PVN tăng 80.15%, VINASHIN đạt 16,5%. Các tập đoàn khác có mức nộp thấp hơn năm trước như: VINATEX giảm 18,3%, EVN giảm 16,6%, VRG giảm 10,57% so với năm 2007.

Nhìn chung, lợi nhuận của các tập đoàn có tăng trưởng, nhiều tập đoàn đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2007 tổng lợi nhuận của các tập đoàn là 51.141,7 tỷ đồng, đến năm 2008 đã đạt được 101.794,3 tỷ đồng, tăng 99%. Trong đó, PVN đạt mức tăng kỷ lục 210,4%, TKV có mức tăng trưởng 64,2%, đứng thứ ba là VINATEX tăng 31,5%. VINASHIN tăng 15,5%, VRG tăng 3,2%, còn EVN có tình hình lợi nhuận giảm 67,8% và VNPT giảm 8,8% so với năm 2007.

Những nét hạn chế

- Hầu hết các tập đoàn chưa tận dụng được cơ hội từ việc Việt Nam gia nhập WTO mang lại để thâm nhập mạnh mẽ, có hiệu quả thực sự vào thị trường quốc tế, do vậy, chưa phát huy được lợi thế nhờ quy mô lớn tạo ra như kỳ vọng khi hình thành tập đoàn, tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với sự đầu tư của Nhà nước và so với tiềm năng hiện có.

- Nhiều dự án đầu tư lớn do các tập đoàn thực hiện triển khai chậm, gây lãng phí; Chưa thực sự tập trung sức lực tìm kiếm các dự án có hiệu quả, tạo sự phát triển đột phá về sản phẩm, công nghệ.

- Trong công tác nghiên cứu khoa học, đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới có hàm lượng chất xám cao còn rất khiêm tốn; Chủ yếu đầu tư theo chiều rộng, suất đầu tư cao... điều này dẫn đến năng suất lao động tăng thấp, lợi nhuận đạt được chủ yếu do tiết kiệm chi phí và yếu tố tăng giá quốc tế.

- Việc mở rộng phát triển kinh doanh thường đầu tư theo đa dạng hóa tổ hợp như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản... Những lĩnh vực này rất nhạy cảm, có thể sẽ mang lại lợi nhuận cao, nhưng không liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của mình, nên độ rủi ro lớn, làm phân tán nguồn lực, ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu chính khi thành lập tập đoàn. Điều đáng lo ngại, các tập đoàn kiểm soát một số ngân hàng, sau đó sử dụng ngân hàng để tài trợ cho các kế hoạch mở rộng của mình. Nếu không có hệ thống kiểm tra tốt và khả năng phân tán rủi ro có hiệu quả thì cấu trúc này có thể dẫn đến những khoản vay, đầu tư quá mức của các công ty thành viên trong tập đoàn.

- Cùng với việc mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, kéo theo tăng số lượng doanh nghiệp thành viên của các tập đoàn. So với năm 2006, trong năm 2007 số lượng công ty con của các tập đoàn tăng 10%, thực hiện liên kết với công ty khác cũng tăng 39%. Đặc biệt, VINASHIN trong năm 2007

tăng 43 công ty con và 111 công ty liên kết, chủ yếu góp bằng thương hiệu; VRG tăng 21 công ty con. Việc mở rộng như vậy dễ dẫn đến nguy cơ không đảm bảo về năng lực quản lý các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp khác, tạo môi trường cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tập đoàn, dễ xảy ra rủi ro trong quan hệ tài chính của tập đoàn như: cho vay nội bộ, chi phối giá mua, giá bán...

- Một số tập đoàn kinh tế chưa phát huy được vai trò chi phối trong ngành, lĩnh vực hoạt động đúng như mục đích thành lập tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh của Đảng và Nhà nước. Chưa đóng vai trò chủ đạo, chi phối, điều tiết thị trường, giá cả, đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng, lợi ích quốc gia và thực hiện được vai trò làm công cụ kinh tế chủ yếu để Nhà nước thực hiện mục tiêu quản lý, điều tiết, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của một số tập đoàn chưa tương xứng với sự đầu tư của Nhà nước, tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế còn khá khiêm tốn so với các doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ khác.

- Về phía Nhà nước, tuy đã có quy định tiêu chí hình thành các tập đoàn kinh tế nhà nước, nhưng cơ chế quản lý, vận hành, việc đầu tư, giao dịch nội bộ...chưa được hoàn thiện, nhất là cơ chế giám sát, phân tích và cảnh báo còn thiếu và chưa được thực hiện đều đặn.

Hướng phát triển tập đoàn kinh tế nhà nước trong thời gian tới

Để các tập đoàn phát triển theo đúng bản chất, chủ trương của Đảng và Nhà nước, đủ mạnh để có thể cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới. Thiết nghĩ cần phải thực hiện các giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện môi trường pháp lý cho các tập đoàn hoạt động như thực thể kinh tế độc lập dựa trên những cam kết khi gia nhập WTO. Nghĩa là các quyết định ban hành phải đề cập đúng bản chất, đặc thù về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của tập đoàn.

Về luật pháp - chính sách, cần triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp. Nhà nước đã xây dựng các văn bản hướng dẫn, quy định khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của các tập đoàn kinh tế, nhưng vẫn chưa hoàn thiện. Phải rà soát bổ sung chương trình triển khai các cam kết hội nhập liên quan đến mở cửa thị trường theo đúng tiến độ; Công bố rộng rãi các cam kết giữa nước ta với các nước đã ký kết hiệp định song phương và đa phương, tạo sự minh bạch về các điều kiện phát triển tập đoàn kinh tế, nâng cao hơn nữa môi trường cạnh tranh trong nước.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hình thành các tập đoàn kinh tế nhà nước, cần rà soát các vướng mắc thủ tục hành chính liên quan tới triển khai dự án đầu tư như đất đai, xuất nhập khẩu, giải

quyết tranh chấp... Đồng thời, tập trung xử lý dứt điểm các vướng mắc trong cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư và ngay cả quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Hai là, khuyến khích thành lập tập đoàn kinh tế, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các tập đoàn trong nước với các tập đoàn có vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước cần quan tâm hơn nữa chính sách huy động vốn qua kênh cổ phần hóa, thị trường chứng khoán, các chính sách khác như khoa học - công nghệ để tạo động lực mạnh hình thành và phát triển tập đoàn kinh tế. Sớm ban hành quy chế tài chính cho các tập đoàn kinh tế nhà nước hoạt động thuận lợi hơn, đạt chuẩn như các tập đoàn kinh tế trên thế giới.

Song cũng phải cân nhắc đầy đủ sự cần thiết, điều kiện và hiệu quả kinh tế khi quyết định thành lập tập đoàn kinh tế. Khi lựa chọn một ngành để thành lập tập đoàn kinh tế cần phải đảm bảo được các điều kiện: i) Sản xuất kinh doanh phải đạt được trình độ tích tụ, tập trung cao. Cụ thể, các doanh nghiệp độc lập hoạt động không hiệu quả thì mới liên kết thành lập tập đoàn. Ngược lại, không nhất thiết quy tụ vào tập đoàn. ii) Các doanh nghiệp tập trung vào để hình thành tập đoàn phải có mối quan hệ với nhau theo chiều dọc của quá trình sản xuất hoặc theo chiều ngang cùng lĩnh vực hoạt động. Nhất thiết quan hệ hàng đầu để thành lập tập đoàn phải là quan hệ lợi ích kinh tế. iii) Thành lập tập đoàn

phải nhằm vào những ngành, lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, tạo ra những đầu tàu và động lực cho phát triển ngành, kéo theo sự phát triển của các ngành khác.

Ba là, các doanh nghiệp độc lập và tập đoàn kinh tế nhà nước cần tiếp tục đổi mới trên cơ sở sắp xếp lại doanh nghiệp. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn sớm phải cổ phần hóa. Một số doanh nghiệp cổ phần, đang có uy tín trên thị trường cần tham gia vào sàn giao dịch chứng khoán. Các tập đoàn kinh tế nhà nước đang hoạt động cần sớm trình Chính phủ chiến lược phát triển từng giai đoạn, trong đó nhấn mạnh giải pháp phát triển công nghệ, thể hiện vai trò ngành kinh tế mũi nhọn.

Bốn là, cần có cơ chế chính sách phù hợp để phát triển thực lực kinh tế - tài chính của tập đoàn, chủ yếu cho công ty mẹ. Các tập đoàn kinh tế nhà nước được xây dựng chủ yếu theo mô hình công ty mẹ - công ty con, lấy quan hệ sở hữu về vốn và quan hệ lợi ích kinh tế làm cơ sở cho việc liên kết, kiểm soát các hoạt động. Các công ty mẹ thông qua việc nắm giữ cổ phần trong các công ty con để kiểm soát hoạt động chúng. Để làm được điều này, công ty mẹ phải có một khoản vốn đủ lớn mới có thể thực hiện tốt vai trò chi phối trong tập đoàn. Đối với các công ty con có tầm quan trọng chiến lược thì công ty mẹ phải nắm giữ cổ phần chi phối hoặc sở hữu 100% vốn (dưới

dạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), các công ty con khác tùy từng trường hợp cụ thể có thể công ty mẹ sẽ không chế theo một tỷ lệ hợp lý.

Năm là, phát triển nguồn nhân lực cho các tập đoàn đòi hỏi về chất cao. Do cấp độ ngành lớn, việc quản lý các tập đoàn kinh tế rất phức tạp, đòi hỏi cán bộ quản lý phải có năng lực và trình độ quản lý cao. Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia cho thấy, các tập đoàn kinh tế lớn đều tuyển chọn cán bộ quản lý khắt khe, nhất là các vị trí chủ chốt. Năng lực và trình độ nhà quản lý có ảnh hưởng quyết định đối với sự phát triển thành công hay thất bại của một tập đoàn kinh tế.

Các tập đoàn của nước ta cũng cần đào tạo, bồi dưỡng và chọn lọc để có một đội ngũ các nhà quản lý giỏi. Do mới chuyển đổi cơ chế quản lý, trình độ phát triển thấp của nền kinh tế nên chúng ta còn thiếu cán bộ quản lý giỏi. Tuy nhiên, có thể khắc phục thực trạng trên bằng công tác đào tạo, sàng lọc qua thực tiễn. Cần yêu cầu các tập đoàn có quy chế quản lý nhân sự thích hợp về trình độ giáo dục cũng như khả năng chuyên môn, đây sẽ là điều kiện pháp lý khi thành lập và hoạt động của một tập đoàn.

Sáu là, không để độc quyền trong thành lập và quản lý tập đoàn kinh tế. Xu hướng khách quan trong quá trình phát triển của các tập đoàn kinh tế là dẫn đến độc quyền kinh doanh. Thực tế phát triển của các

tập đoàn kinh tế nhà nước của nước ta đã có dấu hiệu độc quyền như đối với ngành điện, bưu chính viễn thông, dầu khí... Việc tồn tại các doanh nghiệp độc quyền đã tạo ra môi trường kinh doanh không bình đẳng, hạn chế cạnh tranh, không kích thích đổi mới, gây khó khăn cho các doanh nghiệp ngoài tập đoàn, không đem lại giá trị gia tăng cao cho người tiêu dùng... Vì vậy, nhà nước cần có biện pháp phòng ngừa và chống việc dẫn đến độc quyền của các tập đoàn kinh tế nhà nước. Qua việc tăng cường kiểm tra việc thực hiện Luật Cạnh tranh của các tập đoàn này, sớm phát hiện kịp thời để điều chỉnh chống độc quyền. Tốt nhất là, trong một ngành, lĩnh vực, Nhà nước nên thành lập một vài tập đoàn và cho phép các thành phần kinh tế khác cũng được thành lập các tập đoàn kinh tế. Kinh nghiệm ở các nước như Mỹ, Nhật, Đức, Pháp... Nhà nước không cho phép các doanh nghiệp trong một ngành hợp nhất lại thành một tập đoàn duy nhất. Chẳng hạn ở Mỹ, trong ngành nước giải khát có hai doanh nghiệp lớn là Pepsi và Coca Cola; ngành sản xuất ô tô ở Nhật có Toyota, Honda, Mitsubishi... hay ở Venezuela, trong ngành dầu hỏa có đến 4 tập đoàn nhà nước tham gia sản xuất kinh doanh.

Tóm lại, sự hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế nhà nước ở Việt Nam là cần thiết, phù hợp với các quy luật kinh tế về cạnh tranh, tích lũy, tích tụ vốn và sản xuất trong nền kinh tế thị trường... Đòi hỏi cấp bách nền kinh tế Việt Nam phải có các doanh

ng nghiệp của mình mạnh, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, nhất là các tập đoàn đa quốc gia trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng hiện nay. Trong thời gian tới, các tập đoàn kinh tế nhà nước cần có những bước điều chỉnh hợp lý để trở thành ngành kinh tế chủ lực của đất nước, dần dần tiến tới mở rộng phạm vi kinh doanh ra các nước, phát triển theo hướng đa dạng hóa cấu trúc tổ chức và sở hữu vốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của Chính phủ (2008), *Báo cáo tình hình doanh nghiệp nhà nước và công tác sắp xếp đổi mới*.

2) Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương (2006), *Chuyên đề nghiên cứu Nghị quyết Đại hội X của Đảng (Đường cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên)*, Nxb Chính trị quốc gia.

3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia.

4) Nguyễn Thị Luyến, Trịnh Đức Chiêu (2003), *Tập đoàn kinh doanh - Nhu cầu hình*

thành và phát triển ở Việt Nam, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.

5) VCCI, CIEM (2007), Hội thảo khoa học “*Tập đoàn kinh tế Việt Nam. Những vấn đề về tổ chức, phát triển và quản trị điều hành*”, ngày 26/09/2007, Hà Nội.

6) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2006), “*Xây dựng mô hình tập đoàn Tài chính – Ngân hàng ở Việt Nam*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

7) Nguyễn Đình Phan (chủ biên) (1996), *Thành lập và quản lý các tập đoàn kinh doanh ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8) Ngân Ôn Tuyền (2002), *Thẻ chế quản lý tập đoàn doanh nghiệp của Trung Quốc*, Ủy ban Kế hoạch & Phát triển Nhà nước Trung Quốc.

9) Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2002), Tài liệu Hội thảo “*Phát triển tập đoàn kinh tế ở Việt Nam*”.